

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**Quý II năm 2012**

**CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN**

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>713.490.694.477</b>	<b>767.759.782.649</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>46.205.584.156</b>	<b>103.697.565.833</b>
1. Tiền	111		46.205.584.156	50.697.565.833
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	53.000.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>70.501.576.712</b>	<b>66.772.175.566</b>
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	68.683.419.234	55.778.379.433
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	513.641.160	473.748.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	1.304.516.318	10.520.048.133
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>569.769.614.471</b>	<b>573.917.640.748</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.5	569.769.614.471	573.917.640.748
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>27.013.919.138</b>	<b>23.372.400.502</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6	1.259.489.717	453.150.008
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		19.132.093.495	10.437.237.110
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.7	6.497.223.926	12.452.013.384
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.8	125.112.000	30.000.000

## CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>250.898.038.760</b>	<b>263.247.924.883</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>248.052.105.021</b>	<b>260.918.580.915</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	204.868.126.308	217.495.228.587
<i>Nguyên giá</i>	222		437.227.135.502	436.102.395.546
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(232.359.009.194)	(218.607.166.959)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	25.787.858.813	26.427.525.203
<i>Nguyên giá</i>	228		33.490.882.138	33.490.882.138
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(7.703.023.325)	(7.063.356.935)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	17.396.119.900	16.995.827.125
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>1.824.000.000</b>	<b>1.248.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.12	1.824.000.000	1.824.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.13	-	(576.000.000)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.021.933.739</b>	<b>1.081.343.968</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.14	1.021.933.739	1.081.343.968
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>964.388.733.237</b>	<b>1.031.007.707.532</b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>618.579.739.549</b>	<b>678.798.983.677</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>618.579.739.549</b>	<b>645.675.866.316</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	211.414.338.853	272.831.857.473
2. Phải trả người bán	312	V.16	349.596.769.569	318.835.838.399
3. Người mua trả tiền trước	313	V.17	4.149.031.009	1.582.745.337
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.18	4.240.687.836	15.771.360.283
5. Phải trả người lao động	315	V.19	18.205.465.428	14.126.028.846
6. Chi phí phải trả	316	V.20	22.701.013.523	3.041.801.646
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.21	3.166.452.305	14.850.335.734
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.22	5.105.981.026	4.635.898.598
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>33.123.117.361</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.23	-	32.958.217.648
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.24	-	164.899.713
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>345.808.993.688</b>	<b>352.208.723.855</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>345.808.993.688</b>	<b>352.208.723.855</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.25	189.802.000.000	189.802.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.25	103.750.274.960	101.227.265.504
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.25	8.102.230.959	8.102.230.959
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	V.25	8.378.011.272	7.116.506.544
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.25	35.776.476.497	45.960.720.848
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>964.388.733.237</b>	<b>1.031.007.707.532</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	
		Số đầu năm	
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		2.498.842.500	1.657.147.000
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		76.892,40	1.002.028,37
Euro (EUR)		1,22	1,22
...			
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 7 năm 2012

*Nguyễn Phương Thảo*

Nguyễn Phương Thảo  
Người lập

*Vũ Đức Thịnh*

Vũ Đức Thịnh  
Kế toán trưởng



*Hà Bình Sơn*

Hà Bình Sơn  
Tổng Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN**

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, P. 15, Q. Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ báo cáo quý kết thúc ngày 30.06.2012

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý 2 năm 2012

Dvt: Đồng

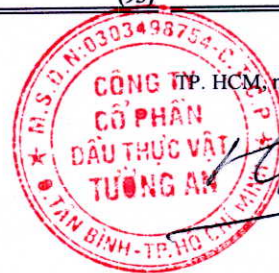
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước	Lũy kế năm nay	Lũy kế năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	963.354.131.704	1.087.411.856.847	1.936.711.428.768	2.164.263.564.143
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	4.125.628.095	4.708.678.574	8.161.958.910	4.972.707.997
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	959.228.503.609	1.082.703.178.273	1.928.549.469.858	2.159.290.856.146
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	884.681.904.164	1.024.587.419.472	1.759.848.382.294	1.972.410.015.695
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		74.546.599.445	58.115.758.801	168.701.087.564	186.880.840.451
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.190.289.477	802.416.489	1.783.749.511	1.943.297.649
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	3.329.816.234	12.351.794.335	12.262.896.439	32.028.965.554
Trong đó: chi phí lãi vay	23		2.818.592.186	11.872.488.284	11.671.224.393	26.236.376.877
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	51.344.733.593	43.854.803.895	109.393.591.106	113.349.631.080
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	8.868.156.012	7.772.100.182	17.440.182.049	29.745.008.413
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		12.194.183.083	(5.060.523.122)	31.388.167.481	13.700.533.053
11. Thu nhập khác	31	VI.7	633.252.324	757.450.499	937.341.153	817.413.780
12. Chi phí khác	32	VI.8	92.489.144	5.833.637	97.093.270	5.833.637
13. Lợi nhuận khác	40		540.763.180	751.616.862	840.247.883	811.580.143
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		12.734.946.263	(4.308.906.260)	32.228.415.364	14.512.113.196
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.18	3.040.917.234	(2.539.251.171)	6.938.910.574	446.583.258
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		59.410.229	-	59.410.229	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	VI.9	9.634.618.800	(1.769.655.089)	25.230.094.561	14.065.529.938
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	508	(93)	1.329	741



Nguyễn Phương Thảo  
Người lập



Vũ Đức Thịnh  
Kế toán trưởng



Hà Bình Sơn  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN**

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý 2 năm 2012

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 2 năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm nay	đến cuối quý này	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>					
1. Lợi nhuận trước thuế	01		32.228.415.364		14.512.113.196
2. Điều chỉnh cho các khoản:					
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.9,10	14.754.818.697		14.137.869.774
- Các khoản dự phòng	03	V.12	(576.000.000)		384.000.000
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.4	-		-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, 8	(846.791.369)		(1.260.896.749)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	11.671.224.393		26.236.376.877
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		57.231.667.085		54.009.463.098
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(6.581.246.740)		1.659.161.867
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		4.148.026.277		(25.415.154.196)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		28.434.319.630		75.330.223.401
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(806.339.709)		(44.126.665)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(12.332.868.769)		(26.475.244.101)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.18	(984.121.116)		(2.870.881.814)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-		300.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	V.22	(791.422.300)		(3.898.254.869)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>68.318.014.358</b>		<b>72.295.486.721</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>					
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(1.985.436.073)		(16.690.507.898)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-		493.727.272
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-		-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-		-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-		-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-		-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		960.551.306		831.822.498
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(1.024.884.767)</b>		<b>(15.364.958.128)</b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 năm 2012

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.15	829.282.216.448	862.006.805.695
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.15,23	(923.657.952.716)	(947.332.143.157)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(30.409.375.000)	(37.960.400.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(124.785.111.268)</b>	<b>(123.285.737.462)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(57.491.981.677)</b>	<b>(66.355.208.869)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>103.697.565.833</b>	<b>122.472.958.201</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>46.205.584.156</b>	<b>56.117.749.332</b>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 7 năm 2012

*Nguyễn Phương Thảo*

Nguyễn Phương Thảo  
Người lập biểu

*Vũ Đức Thịnh*

Vũ Đức Thịnh  
Kế toán trưởng



Hà Bình Sơn  
Tổng Giám đốc



# **CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN**

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý 2 năm 2012

---

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ Quý 2 năm 2012**

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất, mua bán và xuất nhập khẩu các sản phẩm chế biến từ dầu, mỡ động thực vật, từ các loại hạt có dầu, thạch dừa; Sản xuất, mua bán các loại bao bì đóng gói; Cho thuê mặt bằng, nhà xưởng...
4. **Nhân viên**  
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 Công ty có 759 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 753 nhân viên).

### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

1. **Năm tài chính**  
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

1. **Chế độ kế toán áp dụng**  
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**  
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**  
Công ty sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

# CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

---

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Công ty có các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp số liệu của văn phòng Công ty và các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính.

### 2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

### 3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

### 4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ căn cứ vào đánh giá cụ thể về khả năng thu hồi của từng khoản nợ.

### 5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 20
Máy móc và thiết bị	5 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	2 – 7



## **CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN**

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý 2 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

---

### **6. Tài sản thuê hoạt động**

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

### **7. Tài sản cố định vô hình**

#### ***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao trong 10 năm.

Quyền sử dụng đất là tiền thuê đất Công ty trả một lần cho nhiều năm và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại KCN Phú Mỹ I (Bà Rịa – Vũng Tàu) được khấu hao theo thời gian còn lại tính từ khi dự án đi vào hoạt động.

#### ***Phần mềm máy tính***

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 3 năm.

### **8. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

### **9. Đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phân chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

### **10. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ**

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty là vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

- |                                 |   |                        |
|---------------------------------|---|------------------------|
| - Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | : | 5% lợi nhuận sau thuế  |
| - Quỹ đầu tư phát triển         | : | 10% lợi nhuận sau thuế |
| - Quỹ khen thưởng, phúc lợi     | : | 5% lợi nhuận sau thuế  |

### **11. Cổ tức**

Cổ tức được ghi nhận là khoản nợ phải trả trong kỳ theo mức cổ tức được công bố.

### **12. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

#### ***Thuế thu nhập hiện hành***



## **CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN**

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý 2 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

---

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

### ***Thuế thu nhập hoãn lại***

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

### **13. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2011 : 20.828 VND/USD  
30/06/2012 : 20.828 VND/USD

### **14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**

#### ***Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

#### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

### **15. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.



## CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

#### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.209.401.257	1.607.942.239
Tiền gửi ngân hàng	44.996.182.899	49.089.623.594
Các khoản tương đương tiền	-	53.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>46.205.584.156</u></b>	<b><u>103.697.565.833</u></b>

#### 2. Phải thu khách hàng

Phải thu các khách hàng tiền bán sản phẩm.

#### 3. Trả trước cho người bán

Khoản ứng trước hoạt động sản xuất kinh doanh.

#### 4. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	-	16.666.667
Trị giá vật liệu hỏng chờ giải quyết	635.312.678	635.312.678
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	669.203.640	9.868.068.788
<b>Cộng</b>	<b><u>1.304.516.318</u></b>	<b><u>10.520.048.133</u></b>

#### 5. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	347.891.515.546	344.163.455.201
Công cụ, dụng cụ	449.508.550	370.181.663
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	86.691.316.769	55.424.871.107
Thành phẩm	133.890.719.316	172.493.095.243
Hàng hóa	846.554.290	1.466.037.534
<b>Cộng</b>	<b><u>569.769.614.471</u></b>	<b><u>573.917.640.748</u></b>

#### 6. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Giá trị công cụ dụng cụ còn phải phân bổ	1.259.489.717	453.150.008
<b>Cộng</b>	<b><u>1.259.489.717</u></b>	<b><u>453.150.008</u></b>

#### 7. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN**

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý 2 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****8. Tài sản ngắn hạn khác**

Tạm ứng cho nhân viên

**9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc</b>	<b>Máy móc và thiết bị</b>	<b>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</b>	<b>Thiết bị, dụng cụ quản lý</b>	<b>Cộng</b>
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	154.406.080.864	272.066.108.516	6.898.535.435	2.731.670.731	436.102.395.546
Tăng trong kỳ	608.589.268	879.782.232		96.771.798	1.585.143.298
<i>Mua sắm mới</i>		142.367.112		96.771.798	239.138.910
<i>Đầu tư XDCB hoàn thành</i>	608.589.268	737.415.120			1.346.004.388
Giảm trong kỳ	(19.057.800)	(441.345.542)			(460.403.342)
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	(19.057.800)	(441.345.542)			(460.403.342)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>154.995.612.332</b>	<b>272.504.545.206</b>	<b>6.898.535.435</b>	<b>2.828.442.529</b>	<b>437.227.135.502</b>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	24.483.484.165	58.365.350.954	1.258.949.068	2.600.409.423	86.708.193.610
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	54.983.496.799	156.817.801.885	4.159.440.262	2.646.428.013	218.607.166.959
Tăng trong kỳ	5.139.815.438	8.601.900.938	350.417.004	23.018.927	14.115.152.307
<i>Khấu hao trong kỳ</i>	5.139.815.438	8.601.900.938	350.417.004	23.018.927	14.115.152.307
Giảm trong kỳ	(19.057.800)	(344.252.272)			(363.310.072)
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	(19.057.800)	(344.252.272)			(363.310.072)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>60.104.254.437</b>	<b>165.075.450.551</b>	<b>4.509.857.266</b>	<b>2.669.446.940</b>	<b>232.359.009.194</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	99.422.584.065	115.248.306.631	2.739.095.173	85.242.718	217.495.228.587
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>94.891.357.895</b>	<b>107.429.094.655</b>	<b>2.388.678.169</b>	<b>158.995.589</b>	<b>204.868.126.308</b>
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng					
Đang chờ thanh lý					

**10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất</b>	<b>Phần mềm máy tính</b>	<b>Cộng</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	32.970.882.138	520.000.000	33.490.882.138
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>32.970.882.138</b>	<b>520.000.000</b>	<b>33.490.882.138</b>
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng	-	520.000.000	520.000.000
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	6.543.356.935	520.000.000	7.063.356.935
Khấu hao trong kỳ	639.666.390	-	639.666.390
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>7.183.023.325</b>	<b>520.000.000</b>	<b>7.703.023.325</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	26.427.525.203	0	26.427.525.203
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>25.787.858.813</b>	<b>-</b>	<b>25.787.858.813</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### 11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự án đầu tư dây chuyền 5.000 chai/h	11.563.451.666	11.276.393.489
Dự án di dời xây lắp nhà xưởng 60 T	3.629.506.524	3.629.506.524
Các công trình khác	2.203.161.710	2.089.927.112
<b>Cộng</b>	<b><u>17.396.119.900</u></b>	<b><u>16.995.827.125</u></b>

### 12. Đầu tư dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Đầu tư cổ phiếu Công ty Cổ phần bao bì dầu thực vật	192.000	1.824.000.000	192.000	1.824.000.000

### 13. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	576.000.000	96.000.000
Trích lập dự phòng trong kỳ	-	384.000.000
Hoàn nhập dự phòng	(576.000.000)	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>480.000.000</u></b>

### 14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chờ kết chuyển	1.021.933.739	1.081.343.968
<b>Cộng</b>	<b><u>1.021.933.739</u></b>	<b><u>1.081.343.968</u></b>

### 15. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngân hàng	211.414.338.853	251.155.057.473
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh <sup>(1)</sup>	-	135.980.824.477
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh <sup>(2)</sup>	115.236.502.535	115.174.232.996
Ngân hàng TMCP SG Thương Tín <sup>(3)</sup>	45.164.094.480	-
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC(VN) <sup>(4)</sup>	51.013.741.838	-
Vay dài hạn đến hạn trả	-	21.676.800.000
<b>Cộng</b>	<b><u>211.414.338.853</u></b>	<b><u>272.831.857.473</u></b>

(1) Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 12.314001/HĐTDHM ngày 17 tháng 04 năm 2012 để bổ sung vốn lưu động thanh toán tiền mua nguyên vật liệu. Chi tiết khoản vay như sau:

- Hạn mức vay : 220.000.000.000 VND
- Thời gian vay : không vượt quá 6 tháng cho mỗi lần nhận nợ vay
- Lãi suất vay : bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm VND kỳ hạn 6 tháng trả sau của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh + biên độ 3%/năm, nhưng không được thấp hơn sàn lãi suất cho vay

## CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- VND theo phương thức cho vay thỏa thuận của Ngân hàng trong từng thời kỳ
- Tài sản đảm bảo : Tín chấp
- (2) Vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 00310/2011/0000761 ngày 28 tháng 07 năm 2011 và Phụ lục 01 ngày 10/11/2011, Phụ lục 02 ngày 14/02/2012 để bổ sung vốn lưu động. Chi tiết khoản vay như sau:
- Hạn mức vay : 300.000.000.000 VND
  - Thời gian vay : 1 năm
  - Lãi suất vay : Được xác định cho từng Hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ.
  - Tài sản đảm bảo : Thế chấp dây chuyền tinh luyện dầu thực vật 150 tấn/ngày và dây chuyền thiết bị chiết dầu chai nhựa tự động cho chai 05 lít, 1 lít, 0,4 lít, 0,2 lít.
- (3) Vay Ngân hàng TMCP SG Thương Tín theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số LD1121500208 ngày 03 tháng 08 năm 2011 để bổ sung vốn lưu động. Chi tiết khoản vay như sau:
- Hạn mức vay : 150.000.000.000 VND
  - Thời gian vay : 1 năm
  - Lãi suất vay : Được xác định cho từng Hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ.
  - Tài sản đảm bảo : Tín chấp
- (4) Vay Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC(VN) theo Thỏa thuận sửa đổi số HBVN070218 ngày 04/04/2012 và Bản điều chỉnh VNM07120805 ngày 28/04/2012 để bổ sung vốn lưu động. Chi tiết khoản vay như sau:
- Hạn mức vay : 5.800.000 USD
  - Thời gian vay : đến 29/04/2015
  - Lãi suất vay : Được xác định cho từng Hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ.
  - Tài sản đảm bảo : Hàng tồn kho

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

	Vay ngắn hạn ngân hàng	Vay dài hạn đến hạn trả	Cộng
Số dư đầu năm	251.155.057.473	21.676.800.000	272.831.857.473
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	829.282.216.448		829.282.216.448
Số tiền vay đã trả trong kỳ	(869.022.935.068)	(21.676.800.000)	(890.699.735.068)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>211.414.338.853</b>	<b>-</b>	<b>211.414.338.853</b>

### 16. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật VN	327.741.677.307	249.584.016.938
Các nhà cung cấp khác	21.855.092.262	69.251.821.461
<b>Cộng</b>	<b>349.596.769.569</b>	<b>318.835.838.399</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### 17. Người mua trả tiền trước

Khoản trả trước của khách hàng về mua sản phẩm.

### 18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng nội địa	823.963.164	15.634.332.631	(12.900.262.932)	3.558.032.863
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	9.868.068.788	42.466.431.122	(51.665.296.270)	669.203.640
Thuế xuất, nhập khẩu	4.521.625.816	233.035.585	(4.754.661.401)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(12.452.013.384)	6.938.910.574	(984.121.116)	(6.497.223.926)
Thuế thu nhập cá nhân	557.552.515	2.734.699.088	(3.278.950.270)	13.301.333
Tiền thuê đất	-	641.350.621	(641.350.621)	-
Thuế tài nguyên	150.000	900.000	(900.000)	150.000
Thuế môn bài	-	6.000.000	(6.000.000)	-
Thuế khác	-	705.600.000	(705.600.000)	-
<b>Cộng</b>	<b>3.319.346.899</b>	<b>69.361.259.621</b>	<b>(74.937.142.610)</b>	<b>(2.256.536.090)</b>

Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa được trình bày trên chi tiêu “Thuế và các khoản khác phải thu Nhà Nước (xem thuyết minh số V.7).

#### **Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng là 10%

#### **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Theo quy định tại điểm 6, phần I, Thông tư số 130/2008/TT- BCT ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài chính, phần thu nhập tăng thêm do đầu tư Nhà máy dầu Phú Mỹ được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động và được giảm 50% số thuế phải nộp cho 5 năm tiếp theo. Năm 2008 là năm đầu tiên dự án đi vào hoạt động.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	12.734.946.263	14.512.113.196
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	288.000.000	180.000.000
- Các khoản điều chỉnh giảm	(591.031.070)	(12.905.780.164)
Tổng thu nhập chịu thuế	12.431.915.193	1.786.333.032
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp</b>	<b>3.107.978.798</b>	<b>446.583.258</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm cho phần thu nhập tăng thêm từ đầu tư mở rộng</b>	<b>(67.061.564)</b>	<b>-</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp</b>	<b>(3.040.917.234)</b>	<b>446.583.258</b>

#### **Tiền thuê đất**

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

#### **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo qui định.



## CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### 19. Phải trả người lao động

Quy lương còn phải trả cho người lao động.

### 20. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trích trước chi phí lãi vay	188.083.605	849.727.981
Chi phí trích trước khác (CP bán hàng phải trả)	22.512.929.918	2.192.073.665
<b>Cộng</b>	<b><u>22.701.013.523</u></b>	<b><u>3.041.801.646</u></b>

### 21. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế thu nhập cá nhân tạm thu	338.633.002	1.434.798.351
Kinh phí công đoàn	1.397.886.575	1.018.082.420
Cổ tức phải trả	42.995.000	84.050.000
Nhận ký quỹ ngắn hạn	1.146.960.000	204.000.000
Các khoản phải trả khác	239.977.728	12.109.404.963
<b>Cộng</b>	<b><u>3.166.452.305</u></b>	<b><u>14.850.335.734</u></b>

### 22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Tăng khác</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	2.299.530.962	841.003.152	-	(628.200.000)	2.512.334.114
Quỹ phúc lợi	2.336.367.636	420.501.576	-	(163.222.300)	2.593.646.912
<b>Cộng</b>	<b><u>4.635.898.598</u></b>	<b><u>1.261.504.728</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>(791.422.300)</u></b>	<b><u>5.105.981.026</u></b>

### 23. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh theo Hợp đồng vay số 01/2005/93451/HĐ ngày 24 tháng 10 năm 2005 với lãi suất bằng lãi suất tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 24 tháng + 2%/năm.	-	29.855.817.648
Vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh theo Hợp đồng vay số 310/2010/0000925 ngày 19 tháng 7 năm 2010 với lãi suất bằng lãi suất tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau + 3,4%/năm.	-	3.102.400.000
<b>Cộng</b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>32.958.217.648</u></b>

#### Chi tiết số phát sinh về khoản vay dài hạn

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số dư đầu năm	32.958.217.648	54.007.817.648
Số tiền vay phát sinh trong năm	-	-
Số tiền vay thanh toán trong năm	32.958.217.648	-
<b>Tổng nợ</b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>54.007.817.648</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### 24. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Từ ngày 01/01/2012, căn cứ theo Nghị định 122/2011/NĐ-CP ngày 27/12/2011 của Chính phủ, Công ty không trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm. Tất cả các khoản trợ cấp phát sinh sẽ được hạch toán vào chi phí trong kỳ.

### 25. Vốn chủ sở hữu

#### Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

#### Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18.980.200	18.980.200
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	18.980.200	18.980.200
- Cổ phiếu phổ thông	18.980.200	18.980.200
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.980.200	18.980.200
- Cổ phiếu phổ thông	18.980.200	18.980.200
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>963.354.131.704</b>	<b>1.087.411.856.847</b>
- Doanh thu bán hàng hóa	3.920.451.398	4.878.908.750
- Doanh thu bán thành phẩm	959.433.680.306	1.082.532.948.097
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>(4.125.628.095)</b>	<b>(4.708.678.574)</b>
- Giảm giá hàng bán	(1.913.052.776)	(4.350.275.140)
- Hàng bán bị trả lại	(2.212.575.319)	(358.403.434)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>959.228.503.609</b>	<b>1.082.703.178.273</b>
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	3.920.451.398	4.878.908.750
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	955.308.052.211	1.077.824.269.523

### 2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	4.035.209.504	5.221.778.286
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	880.646.694.660	1.019.365.641.186



## CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Cộng</b>	<b>884.681.904.164</b>	<b>1.024.587.419.472</b>
<b>3. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi	322.887.157	371.302.116
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	579.402.320	431.114.373
Doanh thu hoạt động tài chính khác	288.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.190.289.477</b>	<b>802.416.489</b>
<b>4. Chi phí tài chính</b>		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	2.818.592.186	11.872.488.284
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	511.224.048	479.306.051
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán	-	-
<b>Cộng</b>	<b>3.329.816.234</b>	<b>12.351.794.335</b>
<b>5. Chi phí bán hàng</b>		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	4.301.075.953	(907.110.577)
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	254.871.270	147.703.819
Chi phí khấu hao tài sản cố định	168.629.363	39.230.325
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.611.756.784	7.183.069.424
Chi phí khác	39.008.400.223	37.391.910.904
<b>Cộng</b>	<b>51.344.733.593</b>	<b>43.854.803.895</b>
<b>6. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	5.452.375.376	3.698.714.370
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	308.318.945	257.857.004
Chi phí khấu hao tài sản cố định	232.399.476	187.405.530
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.081.263.294	1.371.025.714
Chi phí khác	1.793.798.921	2.257.097.564
<b>Cộng</b>	<b>8.868.156.012</b>	<b>7.772.100.182</b>
<b>7. Thu nhập khác</b>		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu tiền hoàn thuế nhập khẩu nguyên liệu	-	245.446.353
Thu thanh lý tài sản cố định	-	493.727.272
Thu tiền bồi thường bảo hiểm hàng nhập	344.294.677	1.454.374
Thu nhập khác	288.957.647	16.822.500
<b>Cộng</b>	<b>633.252.324</b>	<b>757.450.499</b>
<b>8. Chi phí khác</b>		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí thanh lý TSCĐ	92.489.144	5.833.637
<b>Cộng</b>	<b>92.489.144</b>	<b>5.833.637</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### 9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	9.634.618.800	(1.769.655.089)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	9.634.618.800	(1.769.655.089)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	18.980.200	18.980.200
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b><u>508</u></b>	<b><u>(93)</u></b>

### 10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.472.974.192.158	1.298.255.789.581
Chi phí nhân công	24.102.228.527	15.760.603.043
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.390.074.568	7.105.550.326
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.822.599.535	18.703.970.337
Chi phí khác	43.043.251.502	41.159.060.244
<b>Cộng</b>	<b><u>1.565.332.346.290</u></b>	<b><u>1.380.984.973.531</u></b>

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần bao bì dầu thực vật	Công ty liên kết của Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam

Trong kỳ Công ty phát sinh nghiệp vụ với các bên liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam</b>		
Bán thành phẩm	-	-
Mua nguyên liệu	(699.231.671.800)	(624.053.595.429)
<b>Công ty Cổ phần bao bì dầu thực vật</b>		
Mua nguyên liệu, bao bì	(851.307.115)	(1.556.288.437)
Chi phí gia công phải trả	(284.256.000)	0

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam</b>		
Mua nguyên liệu	327.741.677.307	302.797.554.270

## CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Công ty Cổ phần bao bì dầu thực vật</b>		
Gia công, mua nguyên liệu và bao bì	427.263.276	704.729.102
<b>Cộng nợ phải trả</b>	<b>328.169.940.583</b>	<b>303.502.283.372</b>

Tất cả các giao dịch với Công ty mẹ là bên liên quan đều được thực hiện thông qua hợp đồng kinh tế và có phê duyệt của các thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan.

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.


TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 7 năm 2012



Nguyễn Phương Thảo  
Người lập biểu



Vũ Đức Thịnh  
Kế toán trưởng



Hà Bình Sơn  
Tổng Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN**

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, P. 15, Q. Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012  
**Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	189.802.000.000	98.704.076.433	8.102.230.959	5.854.912.009	67.244.882.145	369.708.101.546
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	25.231.890.705	25.231.890.705
Trích lập các quỹ năm trước	-	2.523.189.071	-	1.261.594.535	(6.799.652.002)	(3.014.868.396)
Chi thường quản lý, điều hành	-	-	-	-	(1.756.000.000,00)	(1.756.000.000)
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	-	(37.960.400.000)	(37.960.400.000)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>189.802.000.000</b>	<b>101.227.265.504</b>	<b>8.102.230.959</b>	<b>7.116.506.544</b>	<b>45.960.720.848</b>	<b>352.208.723.855</b>
Số dư đầu năm nay	189.802.000.000	101.227.265.504	8.102.230.959	7.116.506.544	45.960.720.848	352.208.723.855
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	25.230.094.561	25.230.094.561
Trích lập các quỹ trong năm nay	-	2.523.009.456	-	1.261.504.728	(5.046.018.912)	(1.261.504.728)
Chia cổ tức năm 2011	-	-	-	-	(30.368.320.000)	(30.368.320.000)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>189.802.000.000</b>	<b>103.750.274.960</b>	<b>8.102.230.959</b>	<b>8.378.011.272</b>	<b>35.776.476.497</b>	<b>345.808.993.688</b>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 7 năm 2012



Vũ Đức Thịnh  
Kế toán trưởng



Nguyễn Phương Thảo  
Người lập

Hà Bình Sơn  
Tổng Giám đốc